

Bản án số: 25/2023/DS-PT
Ngày: 31-3-2023
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Mai Tấn Hoàng.

Các Thẩm phán: ông Ngô Chịu và bà Vũ Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Ý Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: bà Trần Thị Thu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2022/DS-PT ngày 23 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2022/DSST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 43/2023/QĐ-PT ngày 06/3/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2023/QĐ-PT ngày 22/3/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Vợ chồng ông Mai Tấn B, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1965; nơi cư trú: thôn C, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tâm Hoàng, Luật sư Văn phòng luật sư Huy Hoàng thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên. Có mặt

Bị đơn: Ông Mai Văn Đ, sinh năm 1971; nơi cư trú: thôn C, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Mai Ngọc V, sinh năm 1967; nơi cư trú: thôn C, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt

2. Ông Mai Văn K (còn gọi là Mai Duy K), sinh năm 1975; nơi cư trú: thôn C, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

3. Bà Mai Thị Kim H, sinh năm 1968; nơi cư trú: thôn N, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt

4. Vợ chồng ông Nguyễn Xuân D, sinh năm 1964 và bà Mai Thị V, sinh năm 1964; nơi cư trú: thôn C, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt

5. Ủy ban nhân dân xã H, huyện P. Vắng mặt

6. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971; nơi cư trú: thôn C, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2018, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị Y và ông Mai Tấn B trình bày:

Nguyên trước đây cha mẹ ông B là ông Mai M và bà Lê Thị G khai hoang được diện tích đất rừng tại Đội 1 thôn C, xã H, huyện P sau đó ông bà trồng mít và bạch đàn. Khi còn sống cha ông B đã giao đất cho các ông Mai Văn Đ, Mai Ngọc V và Mai Văn K xây dựng nhà ở trên diện tích đất này. Sau khi cha chết (năm 1989) thì ngày 01/3/2002 Ủy ban nhân dân thị xã T (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cho hộ bà Lê Thị G với diện tích 5.100m² tại thửa số 3(72) tờ bản đồ 258 thuộc Đội 1 thôn C, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; loại đất lâm nghiệp.

Mẹ ông B là bà G ở chung với vợ chồng Mai Văn Đ, nhưng ông Đ ngang ngược, xúc phạm mẹ nên vào ngày 23/4/2005 nhằm ngày 14 tháng 3 năm Ất Dậu mẹ ra ở riêng, bà đã chia 580m² đất trong tổng số 5.100m² mà Ủy ban nhân dân thị xã T (cũ) đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/3/2002 để bà xây dựng nhà ở riêng, thửa đất bà G xây dựng có tứ cận: Đông giáp ranh nhà Mai Tấn Đ; Tây giáp ranh nhà ông Nguyễn Văn T; Nam giáp kênh thủy nông Đ; Bắc giáp ranh nhà Mai Duy K. Cuộc họp gia đình để chia đất ra ở riêng được lập thành văn bản có tiêu đề “*Biên bản xác nhận*” có đầy đủ chữ ký các con như vợ chồng Mai Tấn B; vợ chồng Mai Thị V (do chồng là Nguyễn Xuân D ký); Vợ chồng Mai Tấn Đ tức Mai Văn Đ (ông Đ vợ là bà V đều ký); vợ chồng Mai Duy K (do ông Mai Duy K ký tên) và cháu Nguyễn Văn T.

Mẹ ông B tiến hành xây dựng nhà cấp 4 để ở, đến ngày 24/3/2007 âm lịch mẹ gọi các con lại để quyết định giao nhà, đất này cho vợ chồng ông B, việc giao nhận được lập thành văn bản có tiêu đề “*Biên bản họp gia đình*”. Biên bản này có chữ ký của vợ chồng ông (Mai Tấn B); của Mai Văn K, Đỗ Tấn L (là em rể chồng Mai Thị H); của Nguyễn Xuân D (là chồng của Mai Thị V), chữ ký Mai Ngọc V và có chữ viết của Mai Thị H và bà L (là vợ của Mai Văn K). Tại buổi họp gia đình về việc mẹ giao nhà đất cho ông thì không có mặt vợ chồng ông Mai Văn Đ nên không có chữ ký của ông Đ trong biên bản họp gia đình.

Ông B xác định diện tích đất đang tranh chấp 580m² là của bà Lê Thị G tặng cho ông vào ngày 24/3/2007 (Al), nên đây là tài sản thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của vợ chồng ông.

Bị đơn ông Mai Văn Đ trình bày như sau: Đất tranh chấp là do cha ông khai hoang và giao cho 3 anh em xây dựng nhà ở (ông Đ, Mai Văn K và Mai Ngọc V) vào khoảng năm 1980. Diện tích tranh chấp là thuộc quyền sử dụng đất của ông nằm trong đất vườn mà ông đã kê khai. Diện tích này không nằm trong đất lâm nghiệp 5.100m², đến năm 2004 ông kê khai, đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 200m² đất ở và phần còn lại là đất vườn do ông trực tiếp sử dụng đất có tứ cận; Đông giáp ông Mai Ngọc V; Tây giáp Nguyễn Văn T; Nam giáp kênh mương Đ; Bắc giáp Mai Văn K. Trong lúc mẹ còn sống ông có giao cho mẹ diện tích bề (10mx58m) và khi mẹ chết phải giao lại cho ông, nhưng khi nhận lại thì ông B tranh chấp nên ông không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Riêng tài sản có trên đất ông không tranh chấp ai được nhận thì người đó được quyền sở hữu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Mai Ngọc V trình bày: Đất tranh chấp được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/3/2002 cho bà Lê Thị G, bản thân ông có ký vào Biên bản xác nhận ngày 23/4/2005 và Biên bản họp gia đình ngày 24/3/2007 Al, còn ông Đ thì có ký vào Biên bản xác nhận ngày 23/4/2005, nên yêu cầu tòa xem xét theo quy định của pháp luật.

Ông Mai Ngọc K trình bày: Nguồn gốc đất là do cha khai hoang và phân chia cho anh em mỗi người một thửa để xây dựng nhà ở, đất của ông được chia cũng nằm trong diện tích 5.100m², ông là người ký vào biên bản xác nhận ngày 23/4/2005 và biên bản họp gia đình này 24/3/2007 Al, nên yêu cầu tòa xem xét theo quy định của pháp luật.

Bà Mai Thị Kim H trình bày: về nguồn gốc đất như nguyên đơn trình bày, bản thân bà có ký vào Biên bản xác nhận ngày 23/4/2005 và Biên bản họp gia đình ngày 24/3/2007 Al, nên yêu cầu tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Mai Thị V trình bày: việc giao lại đất cho mẹ để xây dựng nhà riêng đúng như nguyên đơn trình bày, việc ký vào biên bản họp gia đình bà không ký và cũng không có mặt, chồng bà là ông Nguyễn Xuân D có mặt ký thay, đất giao cho mẹ được tách ra là phần đất của ông Đ được chia, các thành viên trong gia đình không hòa thuận nên yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

Ông Nguyễn Xuân D trình bày: Chữ ký D tại Biên bản xác nhận ngày 23/4/2005 và Biên bản họp gia đình này 24/3/2007 Al đúng là chữ ký của ông, cuộc họp ngày 23/4/2005 có ông Đ tham dự và ký vào giấy xác nhận còn cuộc họp gia đình ngày 24/3/2007 Al ông Đ không tham gia.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2022/DS-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện P đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 147, 157, 158, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 10, 15, 16 Điều 3; khoản 1 Điều 167, khoản 1 Điều 168, điểm c khoản 1 Điều 169 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Căn cứ Điều 8, 102, 117 và Điều 457 Bộ luật Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Tấn B bà Nguyễn Thị Y đối với ông Mai Văn Đ về việc yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng diện tích đất 580m² (**ngang 10 m x dài 58m**) tại Đội 1 thôn C, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên có tứ cận: Tây giáp nhà đất ông Nguyễn Văn T, Đông giáp đất Nguyễn Xuân D; Nam giáp nương thủy nông Đ; Bắc giáp rẫy Mai Duy K.

2. Công nhận ông Mai Tấn B bà Nguyễn Thị Y được quyền sử dụng diện tích đất 580m² (ngang 10 m x dài 58m) tại Đội 1 thôn C, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên có tứ cận: Tây giáp nhà đất ông Nguyễn Văn T, Đông giáp đất Nguyễn Xuân D; Nam giáp nương thủy nông Đ, Bắc giáp rẫy Mai Duy K. Nguyên đơn ông Mai Tấn B bà Nguyễn Thị Y được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật về đất đai.

3. Buộc ông Mai Văn Đ phải có nghĩa vụ tháo dỡ mái hiên bằng sắt, tole có diện tích 4,5m x 8m trên diện tích đất 580m² tại Đội 1 thôn C, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên có tứ cận: Tây giáp nhà đất ông Nguyễn Văn T, Đông giáp đất Nguyễn Xuân D; Nam giáp nương thủy nông Đ, Bắc giáp rẫy Mai Duy K.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/9/2022, bị đơn ông Mai Văn Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị V, bà Mai Thị Kim H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.
- Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, vắng mặt không có lý do.
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị V, bà Mai Thị Kim H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 BLTTDS năm 2015 chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Mai Văn Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị V, Mai Thị Kim H, hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ vụ án cho TAND huyện P giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Mai Văn Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Kim H và Mai Thị V kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định là kháng cáo hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Bị đơn ông Mai Văn Đ là người kháng cáo, được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 296 BLTTDS, coi như từ bỏ việc kháng cáo, Tòa án tiến hành đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu của bị đơn.

[2] Về nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì thấy rằng:

Ngày 08/01/2021 và 11/3/2021 (BL 81, 82) ông Mai Văn Đ có đơn phản tố - yêu cầu chia di sản thừa kế nhưng chưa được nộp tạm ứng án phí và thụ lý giải quyết. Ngày 11/8/2022 (BL 160), bà Mai Thị V làm bản tự khai có nội dung “nguyên trước đây mẹ có khai hoang thửa đất rẫy sau khi chia cho bốn anh em trai, còn con gái không có. Sau khi ở với em út không được nên anh em họp bàn lấy 10m ngang đất của ông Mai Văn Đ để ở. Sau khi mẹ mất anh em tranh chấp. Đã hơn bốn năm mà không thuộc về ai. Vậy nguyện vọng tôi xin hợp tác hóa, để chia lại cho sáu người con...”. Sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, ấn định thời gian xét xử ngày 19/9/2022, ngày 09/9/2022 bà Mai Thị V, Mai Thị Kim H có đơn trình bày và yêu cầu độc lập yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

HĐXX sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, do bà Mai Thị V và bà Mai Thị Kim H nộp đơn yêu cầu sau ngày mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải là không phù hợp. Bởi lẽ, quyền sử dụng đất các bên đang tranh chấp được các bên thừa nhận có nguồn gốc từ cha mẹ là ông Mai M bà Lê Thị G khai hoang, sử dụng và chia cho các con trai. Việc yêu cầu chia thừa kế trong cùng vụ án là cần thiết và chính xác theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Mai Thị V, bà Mai Thị Kim H giữ nguyên kháng cáo, đều yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật toàn bộ di sản của cha mẹ để lại trong đó có 5.100m² đất lâm nghiệp, đây là tình tiết mới phát sinh ở cấp phúc thẩm nên cần chấp nhận quan điểm của viện kiểm sát tại phiên tòa hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ vụ án cho TAND huyện P giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Tuyên xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 34/2022/DSST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện P giữa nguyên đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị Y, ông Mai Tấn B và bị đơn ông Mai Văn Đ. Giao hồ sơ vụ án lại cho Tòa án nhân dân huyện P giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Mai Văn Đ, bà Mai Thị V, bà Mai Thị Kim H mỗi người 300.000đ. Đã nộp ở các biên lai thu tiền số 0007442, 0007444, 0007443 cùng ngày 09/11/2022 tại chi cục THA huyện P.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Chậu

Vũ Ngọc Hà

Mai Tấn Hoàng

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND H P (2);
- CC THADS H P;
- P. NVKT;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Tấn Hoàng

